

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NATURA TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NATURA TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NATURA TECH PRODUCTION AND TRADING JOIN STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110844172

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà L2-32 Khu đô thị Vinhomes Thăng Long, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                              | 0163     |
| 2.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                               | 1079     |
| 3.  | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp<br>Chi tiết: - Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; - Sản xuất thuốc thú y.                                               | 2021     |
| 4.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết: - Cơ sở sản xuất mỹ phẩm; - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.               | 2023     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(không bao gồm đấu giá hàng hoá)                                                                                                                       | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                       | 4620     |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Cơ sở kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                         | 4632     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Bán buôn thiết bị y tế loại A,B,C,D; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế loại A,B,C,D                                                                                    | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; - Buôn bán thuốc thú y; - Buôn bán phân bón; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                     | 4669        |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4721        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4722        |
| 13. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; - Bán lẻ thiết bị y tế loại A,B,C,D; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4772(Chính) |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ phân bón, hạt, đất trồng cây cảnh                                                                                                                                                                                                                                 | 4773        |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791        |
| 16. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4799        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>THÙY NHI | Xóm 1, Xã Lạc<br>Sơn, Huyện Đô<br>Lương, Tỉnh<br>Nghệ An, Việt<br>Nam                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000        | 400.000.000              | 40,000       | 0401960082<br>08                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Tổng số                            | 40.000        | 400.000.000              | 40,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN VĂN<br>THIÊN      | Tổ dân phố Yên<br>Phúc, Phường<br>Phúc La, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 30,000       | 0380600003<br>74                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 30,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN TRUNG<br>THÀNH | KĐT Văn Quán,<br>Phường Phúc La,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0010920352<br>22 |
|   |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THUY NHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/05/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040196008208

Ngày cấp: 29/01/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 1, Xã Lạc Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm 1, Xã Lạc Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội